

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-PT

Ngày 23 - 02 - 2023

V/v chia di sản thừa kế, hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất,
hủy Quyết định của UBND tỉnh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường

Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 9 năm 2022, về tranh chấp “*Chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hủy Quyết định của UBND tỉnh*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1003/2023/QĐPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà TTH, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà LTP, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 03/823 N, phường P, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông LVC, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà LTP1 - Luật sư Công ty Luật TNHH Lê Phương Hoàng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Số 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Tuấn - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Ông Nguyễn Đình Tình - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Khối 3, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trọng Thụ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế Sơn - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, bà Nguyễn Thị Hoài - Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường, bà Nguyễn Thị Hồng - Chánh thanh tra huyện Đ. (theo giấy ủy quyền ngày 30/5/2022 của ông Lê Trọng Thụ). (Đều vắng mặt)

3.3. Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thiệu Tất Cảnh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân Nam - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn R. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Minh Nguyên - Công chức địa chính thị trấn R. (vắng mặt).

3.4. Bà TTT, sinh năm 1936; địa chỉ: Thôn 3 Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà LTP, sinh năm 1986; địa chỉ: Số nhà 03/823 N, phường P, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Bà LTP - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

3.5. Ông LVT1, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1: Ông LVC, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, Thanh Hóa. (có mặt)

3.6. Bà LTM, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

3.7. Ông LVĐ, sinh năm 1972; Nơi ĐKKHKT: Xã Đông Tiến, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: Bà LTM; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ,

huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

3.8. Bà ĐTK, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

3.9. Chị LTMP2, sinh năm 2003; Thôn Đ, xã Đ, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, chị P2: Bà PTH1, sinh năm 1967 (vợ ông C); địa chỉ: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà TTH trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Thiều Đình Giáp (chết năm 1950) và cụ Phùng Thị Lanh (chết năm 1993), sinh được 03 người con gồm: con lớn là bà Thiều Thị Đặt (chết năm 2013), con thứ 02 là bà TTT và con thứ 03 là bà TTH. Bà Thiều Thị Đặt có các con là: LVC, LVT1, LVĐ và LTM. Đến năm 1954, mẹ bà là Phùng Thị Lanh được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ chia đất quả thực, mảnh đất là thửa đất số 417 tờ bản đồ số 20 bản đồ địa chính thị trấn R đo vẽ năm 2010 có diện tích 720m². Trong suốt quãng thời gian từ khi được cấp đất đến khi mẹ bà mất, mẹ bà sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp với ai, vẫn thực hiện các nghĩa vụ tài chính đầy đủ với mảnh đất đang sử dụng. Toàn bộ diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ). Mẹ bà cũng chưa từng làm thủ tục cho tặng, thừa kế hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai.

Năm 1956, bà Thiều Thị Đặt kết hôn với ông Lê Văn Lạp, sau khi vợ chồng sinh con đầu là anh LVĐ ở cùng với mẹ bà. Tuy nhiên, ông Lạp thường xuyên không có mặt ở nhà mà đi làm ăn xa. Năm 1993, mẹ bà chết không để lại di chúc. Sau khi mẹ bà chết, bà Đặt vẫn ở trên đất của mẹ bà nhưng không sửa sang hay xây dựng thêm bất kỳ công trình nhà cửa nào trên đất, cũng không thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với mảnh đất. Ông Lạp thỉnh thoảng mới về ở trên nhà và đất của mẹ bà cùng với bà Đặt. Lúc này ông Lê Văn Lạp đã già yếu nên được con cái của ông bà đưa về nhà ở Đ, huyện Đ chăm sóc, phụng dưỡng đến năm 2016 ông Lạp chết. Trong thời gian sinh sống cùng cụ Phùng Thị Lanh, bà Đặt và ông Lạp cùng con trai là anh LVĐ không hiểu vì lý do gì mà UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa lại cấp GCNQSDĐ số sezi D0276928, số vào sổ cấp giấy A00896 cấp cho anh LVĐ vào năm 1994, tại thửa đất số 552, tổng diện tích 720m², tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Đông Tiến năm 1990.

Kể từ khi bà Thiều Thị Đặt chết, nhà cửa, đất đai của cụ Phùng Thị Lanh không có ai quản lý, sử dụng nhưng bà và chị gái thứ 02 là TTT vẫn thường xuyên về thăm nom, hương khói cho bố mẹ những ngày lễ, tết, ngày giỗ.

Năm 2016, bà đã phải đứng ra trả nợ nghĩa vụ tài chính đối với mảnh đất mẹ

bà để lại từ năm 1992 đến năm 2016 với tổng số tiền là 4.254.000đồng (cụ thể số tiền là 4.124.076đồng thu nợ từ 1992-2016 và 130.000đồng quỹ tăng thâu, có biên lai thu tiền). Cũng trong năm này, Nhà nước có dự án làm đường trục chính đô thị, thị trấn Đ và có phương án thu hồi một phần đất của mẹ bà, lúc này vợ chồng ông LVC, bà PTH1 là con của ông Lê Văn Lạp và bà Thiều Thị Đặt có ý định về tranh chấp quyền sử dụng đất, nên ngăn cản chị em bà về nhà mẹ để thờ cúng tổ tiên.

Năm 2020, Nhà nước có quyết định thu hồi toàn bộ đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của mẹ bà để lại để phục vụ dự án làm đường trục chính đô thị, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng ông C, bà H1 đã bán mái tôn lên hai ngôi nhà là tài sản trên đất của mẹ bà nhằm tranh chấp nhà, đất là di sản của cụ Phùng Thị Lanh.

Khi Nhà nước có quyết định thu hồi toàn bộ đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của mẹ bà để lại để phục vụ dự án làm đường đã có phương án bồi thường là đất tái định cư và tiền hỗ trợ tài sản trên đất như sau:

Về đất: Thu hồi toàn bộ diện tích 834,20m² đất để thực hiện đền bù, tái định cư bằng 07 lô đất tái định cư, mỗi lô có diện tích 100m².

Về tài sản trên đất: Theo dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng thì toàn bộ tài sản trên đất được xác định giá trị để bồi thường là: 320.363.000đồng (Ba trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn). Tiền bồi thường hiện nay đang ở Ban Giải phóng mặt bằng (viết tắt là BGPMB) huyện Đ.

Tuy nhiên, vợ chồng ông LVC, bà PTH1 là những người trực tiếp đứng ra gây cản trở, tranh chấp, nên gia đình bà không tự thỏa thuận được với nhau về phân chia di sản của cụ Phùng Thị Lanh để lại là đất tái định cư và nhận đền bù giá trị tài sản trên đất. Vì vậy bà đã làm thủ tục khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế gửi Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa xem xét, giải quyết và đã được Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý. Quá trình giải quyết vụ án, phát hiện đất mà bà đang khởi kiện chia di sản thừa kế có khiếu nại của ông LVC con trai bà Thiều Thị Đặt do UBND huyện Đ đang trong quá trình giải quyết khiếu nại. Để chờ kết quả giải quyết khiếu nại của UBND huyện Đ, bà đã rút toàn bộ hồ sơ khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 16/8/2021, UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa đã có quyết định số 7478/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông LVC. Ông C không đồng ý với kết quả giải quyết nêu trên nên đã tiếp tục khiếu nại lên cơ quan cấp trên là UBND tỉnh Thanh Hóa. UBND tỉnh Thanh Hóa có văn bản giải quyết khiếu nại số 4032/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 đã xác định nguồn gốc đất là của ông Lê Văn Lạp là con rể bà Phùng Thị Lanh; điều này hoàn toàn trái ngược với kết quả xác minh nguồn gốc đất đã được lập thành biên bản ngày 06/11/2020. Việc UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con cụ Phùng Thị Lanh trong đó có bà. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh

Hóa giải quyết những vấn đề sau:

1. Hủy GCNQSDĐ số sezi D0276928, số vào sổ cấp giấy A00896 cấp cho ông LVĐ tại thửa đất số 552, tổng diện tích 720m², tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Đông Tiến năm 1990;

2. Hủy Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông LVC, địa chỉ khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

3. Chia di sản thừa kế của cụ Phùng Thị Lanh theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà TTT, bà TTH và bà Thiệu Thị Đặt (bà Đặt đã chết năm 2013, những người thừa kế của bà Đặt gồm: LVT1, LTM, LVĐ và LVC).

Khối di sản thừa kế của cụ Phùng Thị Lanh hiện nay đã bị thu hồi toàn bộ để làm trục đường chính khu đô thị, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa có phương án bồi thường như sau: Về đất: Thu hồi toàn bộ diện tích 834,20m² đất để thực hiện đền bù, tái định cư bằng 07 lô đất tái định cư, mỗi lô có diện tích 100m² và tài sản trên đất: Theo dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng thì toàn bộ tài sản trên đất được xác định giá trị để bồi thường là: 320.363.000đồng (Ba trăm hai mươi triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Bà tạm tính toàn bộ giá trị đất và tài sản trên đất là di sản thừa kế của cụ Phùng Thị Lanh có giá trị khoảng 500.863.000đồng (Năm trăm triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Như vậy, mỗi đồng thừa kế sẽ nhận giá trị tài sản tương đương khoảng 166.954.000đ (Một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng).

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông LVC trình bày:

Bố ông là ông Lê Văn Lap, sinh năm 1920, chết năm 2016; mẹ ông là bà Thiệu Thị Đặt, sinh năm 1930, chết năm 2013. Ông Lap, bà Đặt sinh được 7 người con gồm LVT1, sinh năm 1954, thứ 02 là Lê Văn Thành sinh năm 1958, đã chết khi 10 tuổi, thứ 03 LVC sinh năm 1963, thứ 04 là LTM sinh năm 1968, thứ 05 Lê Văn Khương sinh năm 1970 (đã chết, chưa vợ con), thứ 6 LVĐ sinh năm 1973 và thứ 7 Lê Văn Dụng sinh năm 1975 (đã chết năm 2008, có vợ ĐTK và 01 con gái LTMP2, sinh năm 2003). Sau khi ông Lap chết có để lại 02 căn nhà, 01 căn 05 gian xây dựng năm 1970 và 01 căn 03 gian, giếng nước, hoa màu và các công trình phụ tại khu phố T, thị trấn R có diện tích là 834m². Sau khi bố mẹ ông chết thì ông ở trực tiếp trên mảnh đất đó. Nguồn gốc 834m² đất ở, đất thầu và ao có nguồn gốc: ông ngoại ông chết để lại cho bà ngoại ông là Thiệu Thị Lanh nuôi 3 người con gồm Thiệu Thị Đặt, TTT, TTH. Cụ Thiệu Thị Lanh khi đó có bán thửa đất đang ở cho ông Thiệu Đình Minh (nay đã chết nhưng còn nhân chứng là ông Thiệu Đình Tuyền) và có để lại 30m² đất và 02 căn nhà tranh vách đất. Năm 1953, bố ông lấy mẹ ông là bà Thiệu Thị Đặt, được nhà nước cho ở trên thửa đất đó nhưng rất chật hẹp nên bố mẹ ông có khai hoang để lấy thêm đất canh tác và sinh sống. Đến năm

1954, Nhà nước cải cách ruộng đất, lấy đất địa chủ chia cho những người chưa có đất thì bố mẹ ông là ông Lạp và bà Đặt được chia cho thửa đất, khi đó chưa có giấy tờ. Đến năm 1984, được các cơ quan có thẩm quyền đo đạc và chứng thực, trực tiếp sở hữu thửa đất đó. Từ năm 1990, bố mẹ ông vẫn sinh sống và không có tranh chấp với bất kỳ hộ nào xung quanh và lại được các cơ quan Nhà nước giao cho sổ đăng ký ruộng đất để làm sổ đỏ. Sổ mục kê là thửa 552 và sổ mục kê có dấu của các cơ quan nhà nước thừa nhận. Năm 2010, được đo đạc lại bằng máy móc và thể hiện bằng thửa 417 cũng mang tên bố ông là Lê Văn Lạp. Đến ngày 14/10/2021 ông có đơn đề nghị Thanh tra tỉnh xác minh và được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ra quyết định số 4032/QĐ-UBND đề nghị thu hồi đất của ông Lê Văn Lạp và bố trí tái định cư cho ông Lê Văn Lạp. Trước đó cụ Lanh được công nhận 04 lô đất, sau khi ông khiếu nại thì đã được chỉnh sửa. Ông thấy việc bà H đòi chia thừa kế thửa đất đó là không có cơ sở pháp lý, thửa đất đó ông đã quản lý từ năm 2016, bố mẹ, anh em ông hiện nay đều được thờ cúng trên mảnh đất đó.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTT:

Bố bà là cụ Thiều Đình Giáp chết năm 1950, mẹ bà là cụ Phùng Thị Lanh được UBND huyện Đ chia đất quả thực, mảnh đất là thửa đất số 417, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính thị trấn R đo vẽ năm 2010 có diện tích 720m². Trong suốt thời gian từ khi được cấp đất đến năm 1993 khi mẹ bà mất, mẹ bà ở sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai, vẫn thực hiện nghĩa vụ tài chính đầy đủ với mảnh đất đang sử dụng. Toàn bộ mảnh đất này chưa được cấp GCNQSDĐ.

Bố mẹ bà sinh được 03 người con là: Thiều Thị Đặt (chết năm 2013), TTT và TTH. Năm 1956, bà Đặt kết hôn với ông Lê Văn Lạp, sau khi sinh con đầu thì vợ chồng ông Lạp, bà Đặt ở với mẹ bà là cụ Phùng Thị Lanh. Tuy nhiên, ông Lạp thường xuyên không ở với mẹ bà mà đi làm ăn xa. Năm 1993 mẹ bà chết không để lại di chúc. Sau khi mẹ chết bà Đặt vẫn ở trên đất của mẹ bà.

Năm 2013, bà Thiều Thị Đặt chết không để lại di chúc, lúc này ông Lê Văn Lạp đã già yếu nên được con cái đưa về Đ nuôi dưỡng chăm sóc, đến năm 2016 ông Lạp chết. Ông Lạp và bà Đặt sinh được 7 người con, trong đó có 2 người đã chết, còn lại LVT1, LVC, LTM, LVĐ và Lê Văn Dung (chết năm 2005, có 01 con là cháu LTMP2). Từ khi bà Đặt chết, nhà cửa đất đai của mẹ bà không có ai quản lý, sử dụng nhưng bà và em gái TTH vẫn thường xuyên về thăm nom hương khói cho bố mẹ ngày lễ tết, ngày giỗ. Năm 2016, bà H đứng ra trả nợ nghĩa vụ tài chính đối với mảnh đất của mẹ bà để lại từ năm 1992 đến năm 2016 với số tiền là 4.124.076đồng. Cũng trong năm 2016, Nhà nước có dự án làm đường trục chính đô thị, thị trấn Đ và có phương án thu hồi một phần đất của mẹ bà, lúc này vợ chồng ông C bà H1 có ý định về tranh chấp quyền sử dụng đất nên ngăn cản chị em bà về nhà mẹ để thăm cúng.

Năm 2020, Nhà nước có quyết định thu hồi toàn bộ đất và tài sản trên đất là di sản của mẹ bà để lại để phục vụ dự án làm đường. Vợ chồng ông C bà H1 đã bán

mái tôn lên hai ngôi nhà là tài sản trên đất của mẹ bà nhằm tranh chấp với chị em bà. Phương án bồi thường là đất tái định cư và tiền hỗ trợ tài sản trên đất như sau: Về đất thu hồi toàn bộ diện tích đất 720m² đất ở và 114,2m² đất vườn; Về tài sản trên đất xác định bồi thường số tiền 320.363.000đồng.

Do gia đình chị em bà không thỏa thuận được với nhau về phân chia di sản của mẹ bà nên xảy ra tranh chấp trong quá trình nhận đất tái định cư và nhận tiền đền bù giá trị tài sản trên đất, vợ chồng ông C và bà H1 là người trực tiếp đứng ra gây cản trở, tranh chấp. Nay bà TTH có đơn khởi kiện, bà hoàn toàn thống nhất như đơn đã viết và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa chia di sản của mẹ bà cho các chị em bà theo quy định của pháp luật.

Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà LTM đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông LVĐ trình bày: Giống như ý kiến của ông C và nhất trí theo như nội dung ông C đã đề nghị và giao cho ông C được nhận lại toàn bộ tài sản của bố mẹ bà để lại và sau đó anh em trong gia đình bà sẽ tự phân chia.

Ý kiến của bà Lê Thị Hồng, đại diện theo ủy quyền cho bà K và chị P2 thể hiện: Giống như ý kiến của ông C (chồng bà).

Ý kiến UBND thị trấn R, huyện Đ:

Căn cứ vào quy hoạch và trích đo thì UBND thị trấn R xác minh các thửa đất thu hồi thì có thửa 417, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính xã Đông Tiến (nay là thị trấn R) đo vẽ năm 2010. Theo hồ sơ xét duyệt của hội đồng xét duyệt nguồn gốc đất thị trấn R ngày 06/11/2020 thể hiện từ những năm 1950 về trước là cụ Giáp và cụ Lanh, 02 cụ ở trên thửa đất này và có 03 người con là bà Đặt, bà T và bà H. Năm 1953, bà Đặt lấy ông Lạp và sinh sống ở trên thửa đất này. Ông Lạp ở rể tại mảnh đất trên, cụ Lanh chết năm 1993, việc cấp CNQSDĐ cho ông Đ là không đúng và hiện nay đã hủy giấy CNQSDĐ cấp cho ông Đ. Bà H, bà T cũng sinh sống trên thửa đất này nhưng lớn lên lấy chồng không còn ở trên mảnh đất này nữa. Cụ Lanh, bà Đặt và ông Lạp sinh sống trên thửa đất cho đến khi chết. Diện tích thửa đất là 834,2m² được xác định đất ở 200m², 520m² là đất ao vườn cùng thửa đất ở hình thành trước năm 1980 nên cũng được xem là đất ở. Phần diện tích 114,2m² là tăng so với hồ sơ địa chính được xác định là đất cây lâu năm tại bản đồ 299 và bản đồ 1990 thể hiện phần ngõ. Trước năm 1950, thửa đất có mấy căn nhà tranh do cụ Lanh và cụ Giáp xây dựng; từ những năm 1953 về sau là do ông Lạp và bà Đặt cải tạo xây dựng theo hiện trạng đã xuống cấp, hiện nay ông C đã sửa phần mái tôn. Sau này khi UBND thị trấn có ý kiến thu hồi đối với hộ cụ Phùng Thị Lanh, UBND huyện đã có quyết định thu hồi và bồi thường đối với hộ cụ Phùng Thị Lanh thì ông C có đơn khiếu nại và UBND huyện Đ có Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Sau khi được giải quyết khiếu nại lần đầu thì gia đình ông C tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh và được giải quyết theo Quyết định số 4032. Khi có quyết định của UBND tỉnh thì UBND huyện đã có sự điều chỉnh và thu hồi. Năm 2016, triển khai dự án làm đường trục chính đô thị và đến năm 2021 thực hiện giải phóng mặt

bằng và có quyết định thu hồi thửa đất này còn các hộ khác liên quan nằm trong diện giải tỏa đã thực hiện xong trước đó. Đối với thửa đất trên do đang tranh chấp cho nên không thực hiện được và hiện nay tạm dừng dự án để chờ giải quyết. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Tại văn bản số 1009/UBND-TNMT ngày 02/6/2022 của UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

1. Hồ sơ địa chính có liên quan đến nguồn gốc thửa đất 552, tờ số 6, bản đồ địa chính năm 1990 xã Đông Tiến.

- Hồ sơ địa chính năm 1985 gồm có:

+ Trích lục thửa đất số 619, diện tích 2.600m² đất ao, tờ số 4, bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ theo Chỉ thị 299/CT-TTg; Sổ mục kê ruộng đất tại trang số 83 đăng ký do HTX quản lý;

+ Trích lục thửa đất số 635, diện tích 680m² đất thổ cư, tờ số 4 bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ theo Chỉ thị 299/CT-TTg; Sổ mục kê ruộng đất tại trang số 83 đăng ký tên chủ hộ ông Thiều Đình Lạp (bản phô tô thường) ghi sai họ và tên đệm.

- Hồ sơ địa chính năm 1990 gồm có:

+ Trích lục thửa đất số 552, diện tích 720m² đất thổ cư, tờ số 6 bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ năm 1990; Trang số 126 sổ mục kê ruộng đất đăng ký tên chủ hộ ông Thiều Đình Lạp (bản phô tô thường) ghi sai tên.

- Tại sổ theo dõi cấp GCNQSDĐ năm 1994 cho thấy: Ông LVĐ (con trai ông Lạp) đã được cấp GCNQSDĐ số sezi D0276928, sổ vào sổ A 00896, thửa 552, tổng diện tích 720m² (trong đó 200m² đất ở; 187m² đất vườn; 333m² đất % vườn), tờ số 6 bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ năm 1990. Hồ sơ liên quan đến việc cấp GCNQSDĐ năm 1994 cho ông LVĐ hiện nay không có hồ sơ lưu trữ và gia đình ông Đ không cung cấp được GCNQSDĐ đã cấp.

- Hồ sơ địa chính năm 2010 của UBND xã Đông Tiến (đến nay sáp nhập thôn T về thị trấn R) gồm có:

+ Trích lục thửa đất số 417, diện tích 861,8m² đất ở nông thôn (ONT), tờ số 20, bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ lại năm 2010; Sổ mục kê ruộng đất đăng ký tên hộ ông Lê Văn Lạp (bản phô tô thường).

+ Trích đo bản đồ địa chính thu hồi đất được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận thuộc thửa đất 417, diện tích 834,2m², giảm 27,6m² so với bản đồ đo đạc năm 2010 là do trong quá trình đo đạc thiết lập bản đồ địa chính năm 2010 đơn vị tư vấn xác định đo sai phần ngõ.

2. Nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất.

Trên cơ sở hồ sơ xác minh nguồn gốc đất đai thị trấn R cung cấp thì thửa đất số 552, tờ số 6, diện tích 720m² bản đồ địa chính năm 1990 tương đương thửa 417, tờ bản đồ số 20, diện tích 834,2m² đo đạc năm 2010 theo đo đạc hiện trạng thu hồi

đất là 834,2m² thì có 720m² được hình thành đất ở từ trước năm 1950, phần diện tích còn lại 114,2m² tăng là diện tích đất ngõ đi chung, hiện nay các hộ đã có lối đi riêng, phần diện tích này được xác định là đất trồng cây lâu năm.

Trước năm 1950 thửa đất 552, diện tích 720m² có nguồn gốc do hộ bà Phùng Thị Lan chồng là ông Thiệu Đình Giáp (ông Giáp chết năm 1950; bà Lan chết năm 1993); ông Lê Văn Lạp lấy bà Thiệu Thị Đặt (là con gái của bà Lan và ông Giáp) đến ở rể sinh sống cùng bà Phùng Thị Lan trên thửa đất từ năm 1953; đến trước năm 2016 cả 3 người gồm cụ Lan, ông Lạp và bà Đặt đều đã mất không để lại di chúc hoặc các loại giấy tờ cho tặng nào khác.

3. Về bồi thường hỗ trợ tái định cư.

Tổng số tiền bồi thường tài sản trên đất, tiền bồi thường về đất được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/02/2021 và Quyết định số 8994/QĐ-UBND ngày 10/11/2021.

Bố trí tái định cư của hộ gia đình đã được UBND huyện Đ thông báo đến gia đình tại mặt bằng tái định cư và khai thác quỹ đất khu phố T, thị trấn R, huyện Đ; diện tích đất ở bố trí cho hộ gia đình khoảng 720m² tương đương với tổng diện tích đất ở nhà nước đã thu hồi.

4. Quan điểm của UBND huyện Đ về nội dung đơn khởi kiện của bà TTH. .

4.1. Về việc hủy GCNQSDĐ: Căn cứ Quyết định số 7478/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về giải quyết đơn khiếu nại của ông LVC, khu phố T, thị trấn R, huyện Đ (lần đầu). UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 9550/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về thu hồi GCNQSDĐ đã cấp có số phát hành là D0276928, số A00896, tổng diện tích thửa đất 720m², thửa đất số 552, tờ bản đồ số 06 do UBND huyện Đ cấp giai đoạn năm 1993-1994.

4.2. Về việc chia di sản thừa kế: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa căn cứ Kết quả xác minh nguồn gốc sử dụng đất của UBND thị trấn R, huyện Đ tại Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 09/02/2021, Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 7478/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) số 4032/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa, các Quyết định phê duyệt dự toán bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng của UBND huyện Đ để giải quyết phân chia di sản thừa kế đối với thửa đất thửa đất số 417, tờ bản đồ số 20, diện tích 834,2m² cùng tài sản trên đất của hộ gia đình ông Lê Văn Lạp đảm bảo theo quy định pháp luật hiện hành. Do có tranh chấp nên việc tiến hành giải quyết bồi thường về đất và bồi thường tài sản trên đất nên UBND huyện Đ đang tạm dừng và chờ khi có kết quả giải quyết của Tòa án, UBND huyện tiếp tục tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản trình bày quan điểm của UBND tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Qua kiểm tra hồ sơ địa chính và hồ sơ liên quan cho thấy:

Theo Bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ theo Chỉ thị 299/CT-TTg năm 1985; Khu đất bà TTH khởi kiện thuộc thửa đất số 635, tờ bản đồ số 4, diện tích 680m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Thiều Đình Lạp.

Theo Bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ năm 1990; Khu đất bà TTH khởi kiện thuộc thửa đất số 552, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m², loại đất T, sổ mục kê ghi tên Lê Văn Lạc.

Theo Bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ năm 2010 (nay đã sáp nhập thôn T về thị trấn R); Khu đất bà TTH khởi kiện thuộc thửa đất số 417, tờ bản đồ số 20, diện tích 861,8m², loại đất ONT, sổ mục kê ghi tên Lê Văn Lạp.

Liên quan đến việc giải quyết khiếu nại tại thửa đất nêu trên của ông LVC, UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 7478/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông LVC.

Không đồng ý với kết quả giải quyết tại Quyết định số 7478/QĐ-UBND, ông LVC tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. Ngày 14/10/2021, UBND tỉnh Thanh Hoá đã ban hành Quyết định số 4032/QĐUBND về việc giải quyết khiếu nại của ông LVC, địa chỉ tại Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ theo kết quả xác minh khiếu nại của Thanh tra tỉnh tại Văn bản số 2120/BC-TTTH, theo đó có nêu:

“Điều 1. Ông LVC khiếu nại UBND huyện Đ phải ban hành quyết định thu hồi, quyết định bồi thường về đất đứng tên hộ ông Lê Văn Lạp là có cơ sở.

Điều 2. Giao UBND huyện Đ ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường về đất, quyết định bồi thường về đất và tái định cư đối với hộ ông Lê Văn Lạp theo đúng quy định của pháp luật.”

Như vậy, căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011; Luật Đất đai năm 1993, năm 2003 và năm 2013; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai. UBND tỉnh Thanh Hóa căn cứ vào nội dung được xác minh và các tài liệu chứng cứ nên đã ban hành Quyết định số 4032/QĐ-UBND ngày 14/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông LVC, khu phố T, thị trấn R, huyện Đ là hoàn toàn đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa không chấp nhận đơn yêu cầu của bà H và giữ nguyên Quyết định trên.

Tại Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/02/2021, về việc phê duyệt phương

án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Diện tích đất thu hồi được đền bù là 834,2m² (trong đó đất ở 200m², đất vườn ao cùng thửa đất ở là 520m², đất trồng cây lâu năm là 114,2m²), tương ứng với số tiền bồi thường là 1.875.083.400đồng và tài sản vật kiến trúc trên đất là 345.308.000đồng, theo quyết định này người được nhận bồi thường hỗ trợ về đất là hộ Phùng Thị Lanh, người được nhận bồi thường hỗ trợ về tài sản trên đất là ông Lê Văn Lạp. Tại Quyết định số 8994/QĐ-UBND ngày 10/11/2021, về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi thu hồi đất để thực hiện dự án, tại Quyết định này đã điều chỉnh giảm bồi thường cho hộ bà Phùng Thị Lanh tại quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/02/2021, số tiền điều chỉnh giảm là 1.875.083.400đồng, đồng thời phê duyệt phương án bồi thường cho hộ ông Lê Văn Lạp, về bồi thường tiền đất là 1.875.083.400đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ Điều 34, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 612, 613, 314, 623, 649, 651, khoản 7 Điều 658 của Bộ luật dân sự; Điều 50 Luật Đất đai 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện của bà TTH đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số sezi D0276928, sổ vào sổ cấp giấy A00896, cấp cho ông LVĐ tại thửa đất số 552, tổng diện tích 720m², tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính xã Đông Tiến năm 1990.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà TTH về chia thừa kế:

- Chấp nhận di sản thừa kế của cụ Phùng Thị Lanh phần đất đã bị thu hồi có giá trị 623.365.000đồng được chia làm 3 kỷ phần cho bà Đặt, bà T và bà H. Mỗi bà được hưởng một kỷ phần = 207.788.000đồng (làm tròn). Như vậy bà H, bà T được hưởng 415.576.000đồng (làm tròn), cộng với số tiền 4.124.076đồng nộp nợ thuế đất, tổng số tiền bà H, bà T được hưởng là 419.700.000đồng.

- Chấp nhận di sản của ông Lê Văn Lạp bà Thiều Thị Đặt phần đất đã bị thu hồi có giá trị 1.246.730.000đồng + 207.788.000đồng = 1.454.518.000đồng (làm tròn).

UBND huyện Đ có trách nhiệm lấy từ nguồn tiền được bồi thường tiền đất hộ ông Lê Văn Lạp để giao lại cho bà TTH và bà TTT số tiền là 419.700.000đồng (Bốn trăm mười chín triệu bảy trăm nghìn đồng); Giao lại cho ông LVC số tiền 1.454.518.000đồng và 345.308.000đồng tiền bồi thường về tài sản trên đất. Tổng số tiền ông LVC được nhận quản lý là 1.799.826.000đồng (Một tỷ bảy trăm chín triệu tám trăm hai sáu nghìn đồng).

- Đối với việc bố trí tái định cư về diện tích đất đã bị thu hồi là thuộc thẩm

quyền giải quyết của UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà TTH về việc hủy Quyết định số 4032/QĐUBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, giải thích về việc thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/8/2022, bị đơn ông LVC có đơn kháng cáo; ngày 12/8/2022, nguyên đơn bà TTH, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTT có đơn kháng cáo. Ông C, bà H, bà T đều kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông LVC, người đại diện theo ủy quyền của bà TTH và bà TTT thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông LVC và ông C chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà TTH vì cho rằng toàn bộ thửa đất nêu trên đứng tên bố ông C là ông Lê Văn Lạp trong sổ mục kê từ những năm 1985 đến nay nên là di sản thừa kế của bố mẹ ông C (ông Lạp bà Đặt) và buộc phía nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trong trường hợp chấp nhận đơn khởi kiện của bà H thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đến công duy trì, bảo quản di sản của bố mẹ ông C theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà T, đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H vì cho rằng toàn bộ 720m² tại thửa đất nêu trên là di sản của cụ Lanh để lại để chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Đặt, bà T và bà H theo quy định của pháp luật, ông Lạp không có quyền gì đối với thửa đất nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố Tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự. Sửa Bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo hướng: Xác định di sản cụ Lanh để lại là toàn bộ diện tích 861,8m² tại thửa đất số 471, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính thị trấn R; chia kỹ phần cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lanh gồm: bà Đặt, bà T và bà H, từ đó xác định ông C chỉ được hưởng kỹ phần của bà Đặt; hủy Quyết định số 4032/QĐUBND ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Ngày 11/8/2022, bị đơn ông LVC có đơn kháng cáo; ngày 12/8/2022, nguyên đơn bà TTH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTT có đơn kháng cáo hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông LVC, người đại diện theo ủy quyền của bà H và bà T thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, việc thay đổi nội dung kháng cáo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố Tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp cho anh LVD của bà TTH. Tại cấp sơ thẩm bà H yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Đ cấp cho anh LVD vào năm 1994. Ngày 10/12/2021 UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 9550/QĐ-UBND về thu hồi GCNQSDĐ đã cấp có số phát hành là D0276928, số A00896, tổng diện tích thửa đất 720m², thửa đất số 552, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính xã Đông Tiến năm 1990 do UBND huyện Đ cấp giai đoạn năm 1993 - 1994 cho anh LVD, nhưng tại cấp sơ thẩm bà TTH đã rút yêu cầu này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên ông LVD là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu hủy Quyết định số 4032 ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về giải quyết khiếu nại của ông LVC, thấy rằng:

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Liên quan đến việc giải quyết khiếu nại tại thửa đất nêu trên của ông LVC, UBND huyện Đ đã có Quyết định số 7478/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 về việc giải quyết nội dung khiếu nại của ông LVC. Không đồng ý với kết quả giải quyết tại Quyết định số 7478/QĐ-UBND, ông LVC tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

UBND tỉnh Thanh Hóa căn cứ các quy định của pháp luật và bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ theo Chỉ thị 299/CT-TTg năm 1985, căn cứ vào Bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ năm 1990 và căn cứ vào Bản đồ địa chính xã Đông Tiến đo vẽ năm 2010, nay thuộc thôn T, thị trấn R, thì chủ sử dụng đất qua các giai đoạn đối với diện tích đất bị thu hồi đều mang tên ông Lê Văn Lạp, nhưng khi tiến hành các bước thu hồi đất để bồi thường đất cho thực hiện dự án thì UBND huyện Đ tại quyết định thu hồi đất, bồi thường cho bà Phùng Thị Lanh người không có tên trong danh sách hồ sơ sổ sách địa chính, nên UBND tỉnh Thanh Hóa tiến hành giải quyết khiếu nại và ban hành Quyết định số 4032/QĐUBND ngày 14/10/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông LVC là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục. Do đó, yêu cầu của bà TTH về việc hủy quyết định số 4032/QĐUBND ngày 14/10/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giải quyết khiếu nại của ông LVC là không có cơ sở

chấp nhận. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã nhận định và quyết định như trong bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện chia thừa kế:

[2.3.1] Về thời hiệu thừa kế: Căn cứ vào Trích lục khai tử số 111/TL.KT ngày 03/11/2016 của UBND thị trấn R, huyện Đ xác định bà Phùng Thị Lanh đã chết vào lúc 08h ngày 14 tháng 6 năm 1993. Ngày 13/12/2021, bà H có đơn khởi kiện tranh chấp về thừa kế về di sản của bà Lanh để lại. Do đó, đang trong thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự, cần được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2.3.2] Xác định nguồn gốc di sản thừa kế:

Căn cứ vào biên bản kiểm tra xác minh nguồn gốc, sử dụng đất và phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) ngày 20/9/2016 của UBND thị trấn R, huyện Đ đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xác minh tại UBND huyện Đ vào ngày 13/7/2022, xác định Thừa đất số 471, tờ bản đồ số 20, bản đồ địa chính thị trấn R diện tích là 861,8m² có nguồn gốc là của cụ Giáp và cụ Lanh. Năm 1950 cụ Giáp chết, năm 1954 cụ Lanh được chia quả thực và sau đó ông Lạp lấy bà Đặt và cùng cụ Lanh sử dụng ổn định đến năm 1993 thì cụ Lanh chết.

Như vậy, nguồn gốc đất được xác định là cấp cho cụ Phùng Thị Lanh từ năm 1954, cụ Lanh đã xây nhà tranh, vách đất để ở ổn định cùng ông Lạp, bà Đặt cho đến năm 1993 cụ Lanh chết, năm 2013 bà Đặt chết và năm 2016 ông Lạp chết. Từ năm 2016 cho đến nay không ai trực tiếp ở mà chỉ thường xuyên đến thắp hương.

[2.3.3] Quá trình sử dụng đất: Năm 1985 đo vẽ theo Chỉ thị 299/CT-TTg năm 1985, khu đất của cụ Lanh được ghi nhận tại thửa đất số 635, tờ bản đồ số 4, diện tích 680m², loại đất T, đứng tên ông Thiều Đình Lạp (sai họ). Năm 1990 kê khai đo vẽ lại, mảnh đất trên được ghi nhận tại thửa số 552, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m², loại đất T, đứng tên ông Thiều Đình Lạc (sai họ sai tên). Năm 2010 theo bản đồ địa chính xã Đông Tiến khu đất này thuộc thửa đất số 417, tờ bản đồ số 20, diện tích 861,8m², loại đất ONT, sổ mục kê ghi tên Lê Văn Lạp.

Các thửa đất số 635, tờ bản đồ số 4, diện tích 680m² theo chỉ thị 299/CT-TT, đến thửa đất số 552, tờ bản đồ số 6, diện tích 720m² theo kê khai năm 1990 và cuối cùng là thửa số 417, tờ bản đồ số 20, với diện tích là 861,8m², theo kê khai năm 2010 đều cùng một mảnh đất là loại đất ONT, cùng một tên chủ sử dụng hộ ông Lê Văn Lạp từ năm 1985. Trong suốt quá trình sử dụng và qua các thời kỳ kiểm tra, kê khai đo vẽ đều đứng tên ông Lê Văn Lạp. Mặc dù nguồn gốc là của cụ Lanh, cụ Lanh ở cùng với ông Lạp bà Đặt, còn các bà H, bà T đi lấy chồng và ở riêng. Như vậy, mặc dù không có văn bản nào thể hiện việc cụ Lanh tặng cho ông Lạp, bà Đặt thửa đất nêu trên nhưng qua quá trình sử dụng thể hiện thửa đất này đứng tên chủ

sử dụng hộ ông Lê Văn Lạp từ năm 1985, do đó có thể khẳng định cụ Lanh đã đồng ý để ông Lạp đứng tên chủ sử dụng diện tích đất của cụ Lanh.

Đối chiếu quy định tại khoản a Điều 12 Nghị định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 về việc thi hành luật đất đai năm 1988 thì việc “Đăng ký ban đầu cho người đang sử dụng đất hợp pháp và người mới được giao đất để sử dụng”.

Bên cạnh đó khoản 2 Điều 14 Luật Đất đai số 3-LCT/HĐNN8 ngày 29/12/1987 quy định Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất hoặc một phần thửa đất khi “Tất cả số người trong hộ sử dụng đất đã chuyển đi nơi khác hoặc đã chết”. Tại khoản 3 Điều 16 Luật này quy định giao cho UBND cấp xã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất “Khi người được giao đất chuyển đi nơi khác hoặc đã chết mà thành viên của hộ của người đó vẫn còn tiếp tục sử dụng đất đất đó”. Tại Điều 1 Luật này quy định “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước giao cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài” và khoản 1 Điều 2 quy định “Người sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan có thẩm quyền xét và cấp GCNQSDĐ”.

Tại khoản 2 Điều 1 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 đều quy định “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Căn cứ vào các quy định nêu trên thì mảnh đất tại thửa số thửa số 417, tờ bản đồ số 20, với diện tích là 834,2m², loại đất ONT, tên ông Lê Văn Lạp được xác định quyền sử dụng là của ông Lê Văn Lạp, bà Thiều Thị Đặt và cụ Phùng Thị Lanh.

Mặc dù tại Công văn số 433/CV-CAĐS ngày 20/7/2022 về việc “xác minh thông tin tàng thư cư trú” của Công an huyện Đ qua kiểm tra hồ sơ tàng thư cho biết: Tại thời điểm kiểm tra, xác minh ngày 20/7/2022 ở khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa không có hộ ông Lê Văn Lạp; có 01 hộ ông Lê Văn Lạp, sinh năm 1922; nơi sinh, quê quán: thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (Sổ theo dõi HK11 thể hiện hộ ông Lê Văn Lạp chết ngày 25/7/2016); Xác minh thời điểm năm 1985 đến năm 1990: Khu phố T, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (thuộc xã Đông Tiến, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa) kiểm tra sổ HK11 và tàng thư túi hộ không có thông tin của hộ ông Lê Văn Lạp. Tuy nhiên, trong hồ sơ quản lý đất đai là ông Lê Văn Lạp, cho nên không có căn cứ xác định thời điểm ông Lê Văn Lạp đứng chủ hộ có bao nhiêu nhân khẩu và xét về nguồn gốc đất đai là của cụ Lanh. Do đó, xác định những người có quyền được hưởng đối với thửa đất số 417, tờ bản đồ số 20, với diện tích là 834,2m² gồm cụ Lanh, bà Đặt và ông Lạp. Sau khi cụ Lanh chết, bà Đặt chết, ông Lạp chết không để lại di chúc nên được chia theo pháp luật và được chia làm ba phần bằng nhau cho ba người.

Căn cứ vào Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/02/2021, về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi thu hồi đất để thực hiện dự án; Quyết định số 8994/QĐ-UBND ngày 10/11/2021, về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi thu hồi đất để thực hiện dự án, tại Quyết định này đã điều chỉnh giảm bồi thường cho hộ bà Phùng Thị Lanh tại quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/02/2021. Số tiền về bồi thường tiền đất là 1.875.083.400đồng; số tiền bồi thường về tài sản vật kiến trúc trên đất là 345.308.000đồng.

Đối với số tiền bồi thường về tài sản vật kiến trúc có trên đất: Bà H không yêu cầu vì Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện Đ xác định giá trị tài sản được bồi thường là của ông C. Do đó, UBND huyện Đ có trách nhiệm giao lại cho ông LVC khoản tiền về bồi thường giá trị về tài sản vật kiến trúc trên đất là 345.308.000đồng.

Đối với khoản tiền bồi thường giá trị về đất bị thu hồi là 1.875.083.400đồng, được xác định là di sản chung của 3 người gồm cụ Lanh, ông Lạp và bà Đặt để lại và được chia theo kỹ phần như nhau, cụ thể: Phần cụ Lanh được chia cho bà Đặt, bà T và bà H; phần của bà Đặt, ông Lạp và cộng phần được hưởng của bà Đặt được hưởng của cụ Lanh được chia cho các con của ông Lạp bà Đặt. Giao cho ông LVC quản lý (theo đề nghị của những người được hưởng thừa kế của bà Đặt, ông Lạp).

[2.3.4] Về yêu cầu trích công duy trì, bảo quản di sản và chia thừa kế:

Việc ông LVC kháng cáo đề nghị xem xét trích công duy trì, bảo quản di sản thừa kế: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy kể từ sau khi ông Lạp chết vào năm 2016 khu nhà đất này không có người ở, chỉ làm nơi đi lại thấp hương (được thể hiện tại Biên bản làm việc 23/7/2021 tại gia đình ông C, bà H1 cùng với Đoàn Thanh tra huyện Đ), vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã không trích công sức duy trì bảo quản di sản là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông C về yêu cầu này.

Đối với kháng cáo của bà TTH và bà TTT đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét đối với số tiền 200.000.000đồng các bà đã bỏ ra xây khu lăng mộ cho bố mẹ, tổ tiên của các bà, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm các bà không yêu cầu xem xét, nay các bà mới đề nghị là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, bên cạnh đó các bà xây khu lăng mộ cho bố mẹ, tổ tiên của các bà là tự nguyện, không có sự bàn bạc thống nhất với các con của ông Lạp, bà Đặt. Tại phiên tòa phúc thẩm ông C và các con của ông Lạp, bà Đặt không chấp nhận yêu cầu này nên yêu cầu kháng cáo của bà H, bà T không được chấp nhận.

Đối với khoản tiền bà TTH nộp thuế nhà đất từ năm 1993 đến năm 2016 là 4.124.076đồng tại biên lai thu tiền số N0010401 ngày 01/10/2016 của UBND thị trấn R, sẽ được trừ đi trong khoản tiền được bồi thường để giao lại cho bà H, số còn lại chia theo phần hưởng cho từng người, cụ thể là: 1.875.083.400đồng - 4.124.076đồng = 1.870.959.324đồng (đã làm tròn).

Số tiền 1.870.0950.000đồng được chia đều cho 3 người gồm: cụ Lanh, bà Đặt và ông Lap.

Cụ Lanh 1/3 trong tổng giá trị tiền được bồi thường tiền đất sẽ được chia cho 3 người con là bà T, bà H và bà Đặt; 2/3 trong tổng giá trị bồi thường tiền đất cộng với 1/3 phần của bà Đặt được chia di sản của cụ Lanh.

Diện thừa kế: Như đã xác định di sản thừa kế ở trên thì di sản của cụ Lanh để lại là: 1.870.095.000đồng : 3 người (bà Đặt, ông Lap, cụ Lanh) = 623.365.000đồng (làm tròn).

Phần của cụ Lanh được chia cho 3 người con của cụ là bà Đặt, bà T và bà H, cụ thể: 623.365.000đồng : 3 = 207.788.000đồng (làm tròn), như vậy bà H, bà T được hưởng (207.788.000đồng x 2) = 415.576.000đồng (làm tròn) cộng với số tiền 4.124.076đồng nộp nợ thuế đất, tổng số tiền bà H và bà T được hưởng là 419.700.000đồng (làm tròn);

Phần của ông Lap và bà Đặt là (623.365.000đồng x 2) = 1.246.730.000đồng + 207.788.000đồng = 1.454.518.000đồng (làm tròn) được giao cho ông C quản lý.

Hiện tại số tiền bồi thường đang do Hội đồng GPMG, UBND huyện Đ quản lý nên UBND huyện Đ có trách nhiệm giao giao cho bà T, bà H và các con của ông Lap bà Đặt (giao ông C quản lý và các con của ông Lap bà Đặt tự phân chia)

Việc việc bố trí tái định cư đối với diện tích đất đã bị thu hồi là thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định các vấn đề như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Nay không có tài liệu, chứng cứ gì mới, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các đương sự cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[4]. Về án phí: Bà TTH và bà TTT đều là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí phúc thẩm; ông LVC, sinh ngày 01/01/1963 (tính đến ngày xét xử phúc thẩm đã trên 60 tuổi - là người già), tại phiên tòa ông C xin miễn án phí phúc thẩm nên căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H, bà T và ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà TTH, bà TTT và ông LVC.

[1] Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về án phí: Bà TTH, bà TTT và ông LVC không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông LVC 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án

phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0016009 ngày 22/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh

